| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH HÀ**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2024
*V/v tranh chấp: Ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình và bà Nguyễn Thị Hằng.

**- Thư ký phiên toà**: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà**: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 316/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/11/2023; thụ lý bổ sung số 316a/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2023 về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị Th1, sinh năm 1974, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Th, bị đơn bà Th1 trình bày: Ông bà kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Nam Thanh nay là huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/12/1995 và chung sống đến khoảng năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết và đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay ông Th, bà Th1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Th xin ly hôn, bà Th1 đồng ý.

Về con chung: Ông Th, bà Th1 xác định có hai con là chị Phạm Thị Th2, sinh ngày 20/3/1997; anh Phạm Ngọc H, sinh ngày 09/7/2003. Khi ly hôn ông Th, bà Th1 xác định các con đã đủ 18 tuổi, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần nên

không yêu cầu giải quyết nuôi dưỡng.

Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, bà Th1, ông Th xin rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản và hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho bà Th1.

Về nợ, công sức: Ông Th, bà Th1 không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, ông Th ly hôn bà Th1; ông Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX, nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Th, bà Th1 đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt người tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Ông Th, bà Th1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Nam Thanh nay là huyện Thanh Hà tỉnh Hải Dương vào ngày 07/12/1995, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không còn tin tưởng nhau. Theo chính quyền địa phương xác định mâu thuẫn giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho đương sự được gặp gỡ, tham gia phiên hòa giải, mục đích tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân, nhưng hai bên đều từ chối không tham gia phiên hòa giải và xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của đương sự, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử cho ông Th được ly hôn bà Th1.

[3]. Về con chung: Xác định các bên đương sự có hai con là chị Phạm Thị Th2, sinh ngày 20/3/1997 và anh Phạm Ngọc H, sinh ngày 09/7/2003, hiện tại đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần kinh, nên Hội đồng xét xử không phải đặt ra để giải quyết việc nuôi dưỡng khi ông Th, bà Th1 ly hôn.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, bà Th1, ông Th xin rút yêu cầu chia tài sản, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Toà án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết phần yêu cầu chia tài sản, hoàn trả lại bà Th1 tiền tạm ứng án phí chia tài

sản. Đối với nợ, công sức đương sự không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không phải đặt ra để giải quyết.

[5]. Về án phí: Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phạm Văn Th ly hôn bà Vũ Thị Th1.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000983, ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã L, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Toà án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**